TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày 14/8/2023
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán và ông Hoàng Công Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2023, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-DS ngày 17/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 25/7/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1965; (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị X trình bày: bà và bà nguyễn Thị X là người cùng thôn. Bà làm nghề thu mua phế liệu. Bà X làm nghề đúc đồng. Do bà thu mua được nhiều phế liệu là đồng nên bà với bà X qua lại làm ăn với nhau. Hai bên bắt đầu làm ăn với nhau từ đầu năm 2022. Khi làm ăn với nhau hai bên giao kết với nhau việc mua và bán. Bên bán giao hàng là đồng phế liệu, bên mua nhận hàng và có nghĩa vụ thanh toán trả tiền cho bên bán, giá cả do hai bên thỏa thuận tại từng thời điểm mua bán cụ thể. Bà đã bán cho bà X đồng phế liệu nhiều lần, bà không nhớ cụ thể từng lần bán. Cũng có khi bà mua đồng của bà X. Việc mua và bán chỉ liên quan đến cá nhân bà với bà X, không liên quan đến chồng và các con bà.

Quá trình mua bán qua lại với nhau, bà có ghi sổ nhiều lần và có chữ ký hoặc chữ viết của bà X. Đến ngày 15/8/2022 có ghi "Tổng X nợ B 79.987.000", bà xác định đây là số tiền mà bà với bà X chốt lại với nhau để thanh toán lần cuối cùng. Tại trang sổ đó có chữ viết của bà X "một tháng sau X chả B tiền". Bà xác định hai bên đã chốt số tiền và thời điểm thanh toán cho nhau. Tuy nhiên hết thời hạn một tháng bà X không trả tiền cho bà, bà đã đến nhà đòi nhiều lần

nhưng bà X khất lần không trả. Do vậy, bà khởi kiện đề nghị tòa án buộc bà X có nghĩa vụ thanh toán trả bà số tiền còn nợ là 79.987.000đ theo sổ sách mà hai bên đã chốt với nhau. Bà không đồng ý việc bà X trả số tiền còn nợ bằng mặt hàng đồng với các mức giá là 500.000đ/1kg hoặc 300.000đ/1kg vì giá đồng hiện tại chỉ 100.000đ/1kg. Bà yêu cầu bà X trả bằng tiền đúng với số tiền mà bà và bà X đã chốt sổ với nhau và trả một lần chứ không chấp nhận trả bằng tiền với số tiền 01 hoặc 03 triệu/tháng.

Án phí đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà xác định bà và bà B có làm ăn với nhau, hai bên có giao dịch mua bán đồng. Bà làm nghề đúc đồng nên nhiều lần mua đồng của bà B. Việc mua bán đồng với bà B là của cá nhân bà, không liên quan đến các con của bà. Ngày 30/5/2022, bà ghi trong sổ của mình số tiền nợ bà B là 78.210.000đ. Số tiền bà B khởi kiện là 79.987.000đ ghi trên sổ của bà B, bà không biết. Nhưng tại buổi làm việc ngày 25/7/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà xác định số tiền ghi trên sổ của bà B là đúng số tiền hai bên đã chốt với nhau. bà xác định có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền đó. Bà đưa ra phương thức trả nợ cho bà B là trả bằng đồng với giá 500.000đ/1kg thì sẽ trả 1 lần hết số tiền 79.987.000đ. Tính đồng với giá 300.000đ/1kg thì sẽ trả bà B làm 3 lần trong thời hạn 3 tháng hết số tiền 79.987.000đ. Trường hợp bà B muốn trả bằng tiền thì bà sẽ trả 01 triệu/ tháng tương ứng với 79 tháng tính từ ngày 25/7/2023. Tại phiên tòa hôm nay bà đề nghị trả 03 triệu/ tháng cho bà B. Bà xác định do hiện tại bà đã già, không còn kinh doanh nữa nên không có khả năng trả nợ liền một lúc số tiền nêu trên cho bà B.

Án phí đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; 91, 92, 147, 235, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 357, 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả bà B số tiền còn nợ là 79.987.000đ.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 3.999.350đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hai bên đã chốt nợ với nhau là 79.987.000đ. Đây là tranh chấp dân sự kiện đòi tài sản quy định tại điều 166 BLDS. Bị đơn là bà Nguyễn Thị X hiện có HKTT và cư trú tại thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mà hai bên đã chốt nợ ngày 15/8/2022 là 79.987.000đ.

Căn cứ giấy chốt nợ ngày 15/8/2022 có chữ ký, chữ viết của nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ lời trình bày về quá trình giao dịch của hai bên và lời trình bày của bị đơn tại buổi hòa giải ngày 25/7/2023 và tại phiên tòa thấy bà B, bà X có mua bán hàng hóa với nhau là mặt hàng đồng. Quá trình mua bán diễn ra từ đầu năm 2022. Ngày 25/7/2022, hai bên đã chốt số tiền bà X có nghĩa vụ thanh toán trả bà B là 79.987.000đ. Bà X thừa nhận có nghĩa vụ trả nợ số tiền này cho bà B. Như vậy việc hai bên có giao dịch và chốt nợ, hẹn ngày trả là có thật.

Sau khi chốt số tiền ngày 15/8/2022, bà X có hẹn 01 tháng sẽ trả bà B số tiền đã chốt với nhau. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi và gây thiệt hại cho nguyên đơn là bà B. Căn cứ quy định tại Điều 166 BLDS thì bà B có quyền đòi số tiền đã chốt với bà X. Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà X đưa ra nhiều phương án trả nợ. Tuy nhiên những phương án này không được bà B chấp nhận. Bà B yêu cầu bà X phải thanh toán số tiền 79.987.000đ bằng tiền mặt và trả một lần đủ số tiền đó. Xét thấy, bà X đã chốt rõ ràng số tiền phải trả bà B và hẹn thời hạn trả là 01 tháng sẽ trả đủ tiền. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ đã lâu, bà X không trả bà B tiền gây thiệt hại cho bà B. Do vậy, yêu cầu của bà B về việc buộc bà X phải trả bằng tiền mặt đủ số tiền 79.987.000đ là phù hợp được HĐXX chấp nhận.

[3]. Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; 91, 92, 147, 235, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 357, 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả bà Nguyễn Thị B số tiền là 79.987.000đ (*Bảy mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 3.999.350đ án phí DSST.

Trả lại bà Nguyễn Thị B số tiền 1.999.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007182 ngày 11/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- *Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKS và THADS huyện G;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Vũ Thị Minh Nguyệt